TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 10 năm 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Bích Tuyền**

2. Ông **Lê Tuấn Kiệt**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Kép** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên toà:* Bà **Dương Thị Tiểu My** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly, nuôi con hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M – sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 4/43, Khóm B, Phường N, thành phố B, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh H – sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 4/43, Khóm B, Phường N, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị M và anh Trần Thanh H tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1994, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng khoảng 04 tháng gần đây luôn có sự mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau. Mỗi lần cãi nhau thì anh H đánh đập chị M và hâm dọa sẽ

giết chị M. Vợ chồng không chung sống được nữa. Hiện nay chị M không còn tình cảm gì với anh H. Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có 04 con chung tên Trần Thanh Q, sinh ngày 06/9/1995, Trần Quốc C, sinh ngày 06/10/1997, Trần Trúc L, sinh ngày 10/4/2000 và Trần Trúc N, sinh ngày 19/3/2002. Hiện nay Q, C, L đều đã trưởng thành và đã đi làm. Cháu N đang sống với anh H. Chị M đồng ý giao cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không cấp dưỡng cho cháu N.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thanh H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H và chị Nguyễn Thị Tuyết M tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1994, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây, cách đây khoảng 04 tháng, phát sinh mâu thuẫn do chị M có nhiều biểu hiện có quan hệ bất chính với người khác, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị M vẫn không thay đổi. Nay chị M xin ly hôn, anh H đồng ý ly hôn với chị Mai.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có 04 con chung tên Trần Thanh Q, sinh ngày 06/9/1995, Trần Quốc C, sinh ngày 06/10/1997, Trần Trúc L, sinh ngày 10/4/2000 và Trần Trúc N, sinh ngày 19/3/2002. Hiện nay Q, C, L đều đã trưởng thành và đã đi làm. Cháu N đang sống với anh H. Anh H đồng ý nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho cháu N.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai.

- Về nội dung vụ án:

Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Trần Thanh H là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Trúc N, sinh ngày 19/3/2002 cho anh Trần Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Trần Thanh H không yêu cầu chị Nguyễn Thị Tuyết M cấp dưỡng cho con chung, nên không đặt ra xem xét.

Chị Nguyễn Thị Tuyết M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung Trần Trúc N, không ai được phép ngăn cản.

Đối với Trần Thanh Q, sinh ngày 06/9/1995, Trần Quốc C, sinh ngày 06/10/1997, Trần Trúc L, sinh ngày 10/4/2000 đều đã trưởng thành và đã đi làm. Chị M và anh H không yêu cầu giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng. Do đó, không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh H, nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh H có địa chỉ cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[1] Hội đồng xét xử xét thấy chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Trần Thanh H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1994, là có xảy ra trên thực tế, được hai bên đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, chị M và anh H không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định pháp luật , việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý.

Theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Trần Thanh H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Trần Thanh H xác định quá trình chung sống, có 04 con chung tên Trần Thanh Q, sinh ngày 06/9/1995, Trần Quốc C, sinh ngày 06/10/1997, Trần Trúc L, sinh ngày 10/4/2000 và Trần Trúc N, sinh ngày 19/3/2002. Hiện nay Q, C, L đều đã trưởng thành và đã đi làm. Cháu N đang sống với anh H.

Anh H và chị M xác định giao cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ giao cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho cháu N, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về cấp dưỡng.

Chị M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được phép ngăn cản.

Đối với Trần Thanh Q, sinh ngày 06/9/1995, Trần Quốc C, sinh ngày 06/10/1997, Trần Trúc L, sinh ngày 10/4/2000 đều đã trưởng thành và đã đi làm. Chị M và anh H không yêu cầu giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Trần Thanh H xác định trong quá trình chung sống, anh chị không tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Trần Thanh H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Trúc N, sinh ngày 19/3/2002 cho anh Trần Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay cháu N đang sống cùng anh H, nên anh H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Trần Thanh H không yêu cầu chị Nguyễn Thị Tuyết M cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Chị Nguyễn Thị Tuyết M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung Trần Trúc N, không ai được phép ngăn cản.

Đối với Trần Thanh Q, sinh ngày 06/9/1995, Trần Quốc C, sinh ngày 06/10/1997, Trần Trúc L, sinh ngày 10/4/2000 đều đã trưởng thành và đã đi làm.

Chị M và anh H không yêu cầu giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng. Chị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0008356 ngày 20/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam